

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Bùi Văn C, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: xã XP, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: xã HP, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1997; hộ khẩu thường trú: xã XP, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: phường PT, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã Phương Nghi, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn 38, quyển số 05 ngày 27/7/2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà H là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông C và bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Vì hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông C và bà H thống nhất có 01 con chung trong thời kỳ hôn nhân là cháu Bùi Thị Như Y, sinh ngày 10/9/2015. Ông C và bà H thống nhất thỏa thuận, sau khi ly hôn giao con chung cho cha là ông Bùi Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về con

chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C và bà H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà H không có tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 07/9/2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 05, ngày 27/7/2015 do Ủy ban nhân dân xã Phượng Nghi, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Bùi Văn C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Thị Như Y, sinh ngày 10/9/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Bà Bùi Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở bà H thực hiện quyền này.

Sau này, vì lợi ích hợp pháp của cháu Bùi Thị Như Y, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng khi có yêu cầu.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị H không có yêu cầu, không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị H mỗi người phải chịu số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng số tiền là

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000067 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Phụng Nghi, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THÂM PHÁN

Nguyễn Khương Minh Trí